

**VĂN BẢN CHỈ ĐỊNH/ GIẤY ỦY QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
CHO ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH**

**MANDATE/POWER OF ATTORNEY FOR TRADING REPRESENTATIVES
OF FOREIGN INVESTORS**

I. Thông tin về các bên có liên quan/Information of related parties:

Chúng tôi là:/We are:

1. Tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt của nhà đầu tư (ghi bằng chữ in hoa tên tổ chức nước ngoài – tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)/Full name, trading name, abbreviated name of the investor (write down in capital letters the name of the foreign organization printed on the Certificate of establishment /Certificate of business registration)
2. Loại hình nhà đầu tư:/Type of investment:
Cá nhân/Individual: Tổ chức/Organization:
3. Địa chỉ trụ sở chính của nhà đầu tư (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh đối với tổ chức)/địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân)/Address of the head office of the investor (the address on the Certificate of establishment/ Certificate of business registration for organizations)/contact address (for individuals):.....
Tel..... Fax..... Email.....
4. Quốc tịch của nhà đầu tư:/Investor's nationality:.....
5. Giấy đăng ký NSH¹/Owner registration certificate
Do/By:
cấp ngày/ issue date.....tháng/month.....năm/year.....
Có hiệu lực tới ngày/Valid to date.....tháng/month.....năm/.....
6. Mã số giao dịch kinh doanh chứng khoán (nếu có)/Securities trading code (if any):
Ngày cấp/Issue date:
7. Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có):/Securities custody account (if any):
Số tài khoản/Account no.:.....
Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt)/Opened at the Custodian Member (full name/abbreviated name) :.....

¹ Đối với cá nhân: số Phiếu an sinh xã hội/Hộ chiếu còn hiệu lực; Đối với tổ chức: số Giấy phép thành lập pháp nhân nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; Giấy phép thành lập tổ chức hoặc chi nhánh tại Việt Nam/ For individuals: the number of the valid certificate of social welfare/ Passport; For organization: the Certificate of Establishment of the legal entity or the branch in Vietnam where such organization is established.

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký/Address of the head office of the Custodian Member:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số/Certificate of custodian activity registration no. do UBCKNN cấp ngày/issued by the State Securities Commission on date.....tháng/ month.....năm/ year

8. Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any):

Số tài khoản/ Account no.:

Mở tại Công ty chứng khoán (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ At the Securities Company (full name/ abbreviated name):

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty chứng khoán/Address of the head office of the Securities Company:

Giấy phép thành lập và hoạt động số/Certificate of establishment and operation no.:do UBCKNN cấp/issued by the State Securities Commission on ngày/date.....tháng/month.....năm/ year.....

9. Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (nếu có)/ Indirect investment capital account (if any):

Số tài khoản/Account no.:

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt)/At the Custodian Member (full name/abbreviated name):

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký/Address of the head office of the Custodian Member:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số/Certificate of custodian activity registration.....do UBCKNN cấp ngày/issued by the State Securities Commission on ngày/date.....tháng/month.....năm/ year

10. Tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán tại ngân hàng (nếu có)/Current account no. of securities trading settlement :

Số tài khoản/ Account no.:

Mở tại Ngân hàng (tên đầy đủ/tên viết tắt)/At the Bank of (full name/abbreviated name):

Địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng/Address of the head office of the Bank:

Giấy phép thành lập và hoạt động số/Certificate of establishment and operation no.: do Ngân hàng Nhà nước/issued by the State Bank cấp ngày/on date.....tháng/month.....năm/year.....

Sau đây chỉ định/ hereinafter appoint:

Ông (Bà):/ Mr. (Mrs.):

1. Họ và tên:/ Name: Giới tính/ Sex:
2. Ngày sinh/ Date of birth: Nơi sinh/ Place of birth:
3. Quốc tịch/ Nationality:
4. Số Hộ chiếu/CMND/Thẻ an sinh xã hội/Passport/Identity Card/Certificate of Social welfare no.: Nơi cấp/Issue place: Ngày cấp/Issue date:
5. Số Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán (CCHN)/Securities business practising certificate no. : Ngày cấp/Issue date:
6. Nơi làm việc (tên đầy đủ, tên viết tắt của tổ chức nơi làm việc)/Work place (full name, abbreviated name of the work place): Địa chỉ nơi làm việc: /Workplace address:
Tel: Fax:..... Email:
7. Địa chỉ thường trú/ Permanent residential address:
8. Chỗ ở hiện nay tại nước ngoài/ Current overseas address:
Tel: Fax:..... Email:
9. Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam (nếu có)/ Current address in Vietnam (if any):
Tel: Fax:..... Email:

Là đại diện giao dịch duy nhất cho(tên nhà đầu tư nước ngoài), thực hiện việc giao dịch, quyền cổ đông, đại diện phần vốn góp theo sự chỉ định, ủy quyền của (tên nhà đầu tư nước ngoài)./Being the only trading representative for..... (name of the foreign investor), conducting trading activities, shareholders' right, representing the contributed capital proportion according to the designation and authorization of (name of the foreign investor).

Giấy chỉ định này có hiệu lực cho đến khi có Văn bản chỉ định, ủy quyền hủy bỏ bằng văn bản của.....(tên nhà đầu tư nước ngoài)./This paper of appointment is effective until there are papers of appointment, authorization to repeal it by (name of the foreign investor).

**Đại diện giao dịch/
Trading representative**

(Ký, ghi rõ họ tên/ Sign & full name)

**Đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài/
Competent representative of the foreign investor**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/ Sign & full name)

Xác nhận của cơ quan công chứng hoặc cơ quan có thẩm quyền./ Attestation by the public notary or competent authority.